

Số 745.../TB-CCTHADS

TP. Cà Mau, ngày 16 tháng 9 năm 2021

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá

Căn cứ Điều 98 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 98 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Bản án số 10/2020/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 98/2020/QĐ-SCBSBA ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;

Căn cứ Bản án số 01/2021/KDTM-PT ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án chủ động số 1343/QĐ-CCTHADS ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1341/QĐ-CCTHADS ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-CCTHADS ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-CCTHADS ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau về việc sửa đổi, bổ sung quyết định về thi hành án;

Căn cứ Biên bản ngày 25; 26 tháng 5 năm 2021 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau về việc kê biên, xử lý tài sản;

Căn cứ Thông báo số 662/TB-CCTHADS ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau về việc thỏa thuận giá tài sản kê biên và lựa chọn tổ chức thẩm định giá.

A. Tên, địa chỉ của người có tài sản thẩm định giá:



Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, địa chỉ: số 03, đường Huyền Trân Công Chúa, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

B. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản thẩm định giá:

I. Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bị kê biên tọa lạc tại số 73, đường Nguyễn Ngọc Sanh, khóm 7, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau:

1. Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bị kê biên tọa lạc tại số 73, đường Nguyễn Ngọc Sanh, khóm 7, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tổng diện tích 192,3m² Thuộc thửa đất số 161; Tờ bản đồ số 22; Mục đích sử dụng đất: đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà; Theo giấy chứng nhận Quyền sử đất số CĐ 936166 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 05/08/2016, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS 00419, sau đó cấp thay đổi người sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim Phượng đứng tên, ngày cấp 04/8/2017.

2. Nhà ở được xây dựng trên thửa đất số 161, tờ bản đồ số 22 gồm:

Nhà có 4 tầng; Năm xây dựng: 2016; Nhà cấp II-2; Tổng diện tích sàn: 554,25m²; Móng Bê tông cốt thép, khung cột Bê tông cốt thép, vách thường xây gạch 10cm tô hai mặt, nền gạch Ceramic.

2.1. Tầng 1: Diện tích 165m², khung cột Bê tông cốt thép, mái Bê tông cốt thép, vách tường xây gạch 10m tô hai mặt, nền gạch Ceramic, chiều cao trung bình từ nền đến trần 3,74m.

- + Phòng 1: Diện tích 41,09m².
- + Phòng 2: Diện tích 47,35m².
- + Phòng 3: Diện tích 6,59m².
- + Phòng 4: Diện tích 16,46m².
- + Nhà vệ sinh 1: Diện tích 5,68m².
- + Nhà vệ sinh 2: Diện tích 2,69m².
- + Nhà vệ sinh 3: Diện tích 3,08m².
- + Cầu thang Bê tông cốt thép.
- + Hành lang 1: Diện tích 19,92m².
- + Hành lang 2: Diện tích 3,4m².
- 2.2. Tầng 2: Diện tích 158,74m².
- + Phòng 5: Diện tích 42,21m².
- + Phòng 6: Diện tích 43,28m².
- + Phòng 7: Diện tích 24,37m².
- + Nhà vệ sinh 4: Diện tích 2,73m².

- + Nhà vệ sinh 5: Diện tích 3,22m².
- + Cầu thang Bê tông cốt thép.
- + Hành lang: Diện tích 20,55m².

2.3. Tầng 3: Diện tích 158,74m², khung cột Bê tông cốt thép, mái Bê tông cốt thép, vách tường xây gạch 10m tô hai mặt, ốp gạch chân tường cao 0,15m, nền gạch Ceramic, chiều cao trung bình từ nền đến trần 2,62m.

- + Phòng 8: Diện tích 42,21m².
- + Phòng 9: Diện tích 43,28m².
- + Phòng 10: Diện tích 23,62m².
- + Nhà vệ sinh 6: Diện tích 2,26m².
- + Nhà vệ sinh 7: Diện tích 2,41m².
- + Nhà vệ sinh 8: Diện tích 2,54m².
- + Cầu thang Bê tông cốt thép.
- + Hành lang: Diện tích 20,09m².

2.4. Tầng 4: Diện tích 71,77m², khung cột Bê tông cốt thép, mái Bê tông cốt thép, vách tường xây gạch 10m tô hai mặt, nền gạch Ceramic, chiều cao trung bình từ nền đến trần 2,7m.

- + Phòng 11: Diện tích 10,13m².
- + Phòng 12: Diện tích 31,5m².
- + Nhà vệ sinh 9: Diện tích 5,82m².
- + Cầu thang Bê tông cốt thép.
- + Hành lang: Diện tích 12,06m².
- + Sân thượng: Diện tích 70,04m².
- + Ban công: Diện tích 12,27m².
- + Khung bảng hiệu Nhóm Nhựa Alu: Diện tích 25,52m².
- + Mái che: Diện tích 60,9m².

2.5. Tầng tum thang máy: Mái Bê tông cốt thép, vách tường xây gạch 10cm tô hai mặt.

+ Tum thang: Diện tích 4,82m², mái Bê tông cốt thép, vách tường xây gạch 10cm tô hai mặt, có 01 bộ cửa Nhôm Kính mở về một phía rộng 0,82m x cao 1,55m.

- + Bộ tum thang: Diện tích 9,04m².

2.6. Thang máy:

Mã hiệu: PL1: 630-CO60, 4/4, số lượng: 01 CHIẾC



TT	DIỄN GIẢI	NỘI DUNG CHI TIẾT
+	Đặc tính kỹ thuật tổng quát	
	Loại thang	Thang máy tải khách
	Kiểu thang	Có phòng máy - Sử dụng động cơ có hộp số
	Qui chuẩn kỹ thuật	
	Tiêu chuẩn áp dụng	TCVN 6396 : 2017
	Mã hiệu	PL1: 630 – CO60, 4/4
	Số tầng/ Số điểm dừng	4/4
	Số lượng	01 chiếc
	Sức tải	630/ 8 người
	Tốc độ	60 m/phút
	Hành trình	GF = 4200mm ; 1F = 3650mm ; 2F = 3300mm, 3F = OH = 4300mm
	Số điểm dừng	04 GF, 1F, 2F, 3F)
	Cửa vào	04 cửa ở phía trước
	Chiều sâu đáy hố (Pit)	1.400 mm
	Overhead (OH)	4.300 mm
	Phòng máy	2.0
	Kích thước hố thang	Rộng 1.800 x Sâu 1.800 (mm)
	Vị trí đặt máy	Bên trên hố thang
	Vị trí đối trọng	Phía sau cabin
	Cấu trúc hố thang	Bê tông, tường gạch
	Cáp tải	Cáp thép tròn Ø8 - 6 sợi
	Rail cabin	T78
	Rail đối trọng	TK5A
	Nguồn điện	3 phases 380 Vac 50Hz, 1 phase 220Vac 50Hz
+	Phòng thang (Cabin)	
	Kích thước	Rộng 1.400 x Sâu 1200 x Cao 2.300 (mm)
+	Cửa tầng	
	Kích thước	Rộng 850 x Cao 2.100 (mm)
	Kiểu cửa	Cửa tự động, 2 cánh đóng mở trung tâm
+	Hệ thống điều khiển	
	Hệ điều khiển	Điều khiển đơn, tự động dừng tầng, tập hợp đủ chiều (Full Collective Selective control)
	Điều khiển tín hiệu	Hệ thống điều khiển lập trình PLC - Mitsubishi
	Điều khiển động cơ	Điều khiển tốc độ vô cấp, bằng hệ thống biến đổi tần số và điện áp VVVF FUJI – Japan
	Điều khiển truyền động cửa	Điều khiển tốc độ vô cấp - VVVF
+	Máy kéo – động cơ	Hiệu Sicor-Italia

TT	DIỄN GIẢI	NỘI DUNG CHI TIẾT
		5.5Kw – 3Phases – 380V – 50Hz (Loại động cơ có hộp số)

II. Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bị kê biên tọa lạc tại khóm 6, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau:

1. Quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất bị kê biên tọa lạc tại khóm 6, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tổng diện tích 10.359,5m²; Đất ở tại đô thị: 344,7m²; Đất nuôi trồng thủy sản: 10.014,8; Thuộc thửa đất số 216; Tờ bản đồ số 6; Mục đích sử dụng đất: đất ở + nuôi trồng thủy sản; Thời hạn sử dụng: đất ở đô thị lâu dài + đất trồng lúa đến ngày 19/9/2066; Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất + Nhận chuyển nhượng đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất; Theo giấy chứng nhận Quyền sử đất số CE 827162 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 15/11/2016, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CS 00461, do ông Vũ Ngọc Sơn và bà Trần Thanh Nhanh đứng tên (Trong đó có 29,89m² đất quy hoạch hạ tầng đô thị được ghi nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

2. Chòi 1 (nhà): Diện tích 31,37m², khung sườn sắt tiền chế, móng đà Bê tông cốt thép.

3. Chòi 2 (nhà): Diện tích 31,37m², khung sườn sắt tiền chế, móng đà Bê tông cốt thép.

4. Nhà, vật kiến trúc: Diện tích 75m², khung sườn sắt tiền chế, vách tol sóng vông + tường, nền xi măng, mái tol sóng vông.

5. Ao nước 1: Diện tích 1.341,12m².

6. Ao nước 2: Diện tích 982,98m².

7. Nhà vệ sinh: Diện tích 4,83m².

8. Hàng rào: Khung cột bê tông cốt thép 20cm x 20cm, vách tường xây gạch dày 10 cm tô hai mặt cao trung bình 2,1m, tổng chiều dài hàng rào 685,03m.

9. Cây trồng trên đất:

- Xoài: 07 gốc khoản 03 năm tuổi.

- Dừa: 64 gốc khoản 03 năm tuổi.

- Vú sữa: 17 gốc khoản 04 năm tuổi.

- Mít: 01 gốc khoản 03 năm tuổi.

- Cóc: 19 gốc khoản 03 năm tuổi.

- Me: 01 gốc khoản 05 năm tuổi.

- Mận: 01 gốc khoản 05 năm tuổi.

- Chuối: 21 bụi khoản 03 năm tuổi.

- Tùng: 06 cây khoản 05 năm tuổi.
- Mai vàng: 09 gốc khoản 05 năm tuổi.
- Mai trắng: 01 gốc khoản 05 năm tuổi.

(Các chi tiết cụ thể kèm theo Biên bản ngày 25; 26 tháng 5 năm 2021 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau về việc kê biên, xử lý tài sản).

C. Tiêu chí lựa chọn tổ chức thẩm giá tài sản gồm:

1. Có năng lực pháp lý.
2. Có năng lực, kinh nghiệm.
3. Có năng lực tài chính.

D. Thời gian, địa điểm tiếp nhận, đánh giá hồ sơ của tổ chức thẩm định giá:

1. Thời gian: Từ 15 giờ 00 phút, ngày 16/9/2021 đến 15 giờ 00 phút, ngày 23/9/2021 (Trong giờ hành chính).
2. Địa điểm: Tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, địa chỉ: số 03, đường Huyền Trân Công Chúa, khóm 8, phường 5, thành phố Cà Mau.

Đ. Yêu cầu đối với hồ sơ của tổ chức đấu giá tài sản gồm:

1. Văn bản đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ thẩm định giá.
2. Hồ sơ năng lực.

Trên đây là Thông báo của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau về việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản thông báo đến các Tổ chức thẩm định giá biết để đăng ký tham gia.

Ghi chú: Không hoàn trả hồ sơ đối với tổ chức thẩm định giá tài sản không được lựa chọn./.

Nơi nhận:

- Công TTĐT của Tổng cục THADS;
- Trang TTĐT Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Viện KSND TP. Cà Mau;
- Lưu: VT, HSTHA.



CHẤP HÀNH VIÊN

Hứa Văn Út